PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8,5**	**7,46**	**8**		
1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	1,46	1,5	Theo dõi, đôn đốc hoàn thành 100% hoạt động tại Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh.	Sở Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,5	0	0,5	Thực hiện đầy đủ các báo cáo.	Sở Nội vụ
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2	2	2		Sở Nội vụ
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	*1*	*1*	*1*	Kiểm tra từ 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.	Sở Nội vụ
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	*1*	*1*	*1*	Đề xuất xử lý hoặc xử lý 100% vấn đề đã phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.	Sở Nội vụ
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	Thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ tuyên truyền CCHC.	Sở Nội vụ
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1,5	1,5	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng ít nhất từ 02 sáng kiến CCHC trở lên.	Sở Nội vụ
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1,5	1,5	Thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH**	**10**	**8,81**	**8,83**		
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	2	2	2		
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	*1*	*1*	*1*	Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau: - Thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật. - Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. - Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.	Sở Tư pháp
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	*1*	*1*	*1*	100% kết quả theo dõi THPL được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.	Sở Tư pháp
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1,5	1,5	1,5		
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	*1*	*1*	*1*	100% văn bản QPPL được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau khi rà soát văn bản QPPL.	Sở Tư pháp
2,3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1,5	1,5	1,5	100% văn bản trái pháp luật qua kiểm tra được xử lý theo quy định.	Sở Tư pháp
2,4	Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do tỉnh ban hành	5	3,81	3,83	Đẩy mạnh các biện pháp xây dựng hệ thống VBQPPL của tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất; phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, kịp thời xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL.	Sở Tư pháp
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**13,5**	**12,64**	**13,2**		
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	1		
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Ban hành các quy định TTHC (trình tự thực hiện, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ) đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	*0,5*	*0,5*	*0,5*	100% các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	3,5	2,75	3,25		
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	*0,25*	*0,25*	*0,25*	Công bố 100% Quyết định, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	*0,25*	*0,25*	*0,25*	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia kịp thời theo theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.3	Công bố Quy trình nội bộ điện tử giải quyết TTHC	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Các Sở, Ban, ngành phối hợp Văn phòng UBND tỉnh xây dựng Quy trình nội bộ điện tử giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo lĩnh vực quản lý, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Đảm bảo 100% các TTHC xây dựng quy trình nội bộ giải quyết.	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Đôn đốc, hướng dẫn việc công khai TTHC, đảm bảo 100% TTHC quy định thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được công khai, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện, cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh, Cổng Dịch vụ công tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị	*0,75*	*0*	*0,5*	Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử cửa cơ quan, đơn vị, đảm bảo: - 100% TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. - 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. - 100% đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.	Văn phòng UBND tỉnh
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Cập nhật kịp thời, chính xác 100% tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3	3	3		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	*1*	*1*	*1*	Rà soát, công bố danh TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa các cấp; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, bảo đảm 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	*0,75*	*0,75*	*0,75*	- Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông cùng cấp được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	*0,75*	*0,75*	*0,75*	- Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông giữa các cấp chính quyền. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền được thực hiện theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5	4,95	4,95		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	*1,5*	*1,49*	*1,49*	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	*1,5*	*1,47*	*1,47*	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	*1*	*0,99*	*0,99*	Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	*0,25*	*0,25*	*0,25*	100% số hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn do phía cơ quan nhà nước phải ban hành văn bản xin lỗi người dân, tổ chức.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã thực hiện thu nhận thông tin đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và công khai kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị, trên Cổng Dịch vụ công tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	0,94	1		
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	*0,75*	*0,69*	*0,75*	100% PAKN trong năm về giải quyết kịp thời TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn thi hành.	Văn phòng UBND tỉnh
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	*0,25*	*0,25*	*0,25*	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định.	Văn phòng UBND tỉnh
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**11,5**	**10,21**	**10,25**		
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3,5	3,5	3,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	*1*	*1*	*1*	- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tổ chức bộ máy. Đảm bảo 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về tổ chức bộ máy.	Sở Nội vụ
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	*1,5*	*1,5*	*1,5*	- 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về cấp phó của người đứng đầu. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện không đúng quy định.	Sở Nội vụ
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	*1*	*1*	*1*	Nghiêm túc thực hiện việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập, giải thể các ĐVSNCL theo đúng quy định, đảm bảo năm đánh giá có số lượng ĐVSNCL giảm so với năm 2015 từ 10% trở lên.	Sở Nội vụ
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2,5	2,5	2,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	*0,5*	*0,5*	*0,5*	- Bố trí, sử dụng số lượng biên chế phù hợp đối với các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng biên chế được giao.	Sở Nội vụ
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	*0,5*	*0,5*	*0,5*	- Theo dõi, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng quá số lượng người làm việc được giao.	Sở Nội vụ
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2021	*1,5*	*1,5*	*1,5*	Triển khai Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đảm bảo đúng lộ trình, phấn đấu trong năm 2022 tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2021 đạt từ 2,5% trở lên.	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1	1	1	- Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của Chính phủ; các bộ, ngành ban hành. - Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp. - 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	Sở Nội vụ
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4,5	3,21	3,25	- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả theo Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị (Sở, ngành, phòng, ban). - Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước giữa chính quyền cấp trên và cấp dưới, đặc biệt việc phân cấp phải phù hợp với năng lực của đơn vị được phân cấp; gắn với các điều kiện đảm bảo thực hiện; gắn với trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát.	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**13,5**	**11,04**	**11,32**		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2,5	2	2		
5.1.1	Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm (VTVL) tại các cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	*1*	*1*	*1*	Thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đảm bảo 100% công chức được bố trí theo đúng VTVL.	Sở Nội vụ
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	*1*	*0,5*	*0,5*	Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo VTVL đã được phê duyệt. Đảm bảo trên 80% viên chức được bố trí theo đúng VTVL.	Sở Nội vụ
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	*0,5*	*0,5*	*0,5*	- Tham mưu thực hiện nghiêm quy định về tuyển dụng công chức cấp tỉnh, huyện theo quy định. Đảm bảo 100% công chức được tuyển dụng đúng quy định. - Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức cấp xã. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc tuyển dụng, sử dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.	Sở Nội vụ, UBND cấp huyện
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	*0,5*	*0,5*	*0,5*	- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức sự nghiệp. Đảm bảo 100% viên chức được tuyển dụng đúng quy định. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc tuyển dụng, sử dụng viên chức tại các cơ quan, đơn vị và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.	Các đơn vị thực hiện theo phân cấp
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0,5	0,5	0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	*0,25*	*0,25*	*0,25*	Tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm các quy định về thi nâng ngạch công chức.	Sở Nội vụ
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	*0,25*	*0,25*	*0,25*	- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng viên chức. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thi, xét thăng hạng viên chức tại các cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0,75	0,75	0,75	- Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm lãnh đạo tại các cơ quan hành chính. Đảm bảo 100% lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định. - Kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả thực hiện.	Sở Nội vụ
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1,25	1	1		
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	*0,25*	*0,25*	*0,25*	- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định. - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức.	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	*1*	*0,75*	*0,75*	- Thường xuyên tổ chức kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện nghiêm về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo không có lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo cấp Sở, ngành, huyện; lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.	Sở Nội vụ
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 của tỉnh.	Sở Nội vụ
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	0,5	0,25	0,5		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	*0,25*	*0,25*	*0,25*	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng công chức cấp xã toàn tỉnh đạt chuẩn 100% theo quy định.	UBND cấp huyện
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	*0,25*	*0*	*0,25*	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ cấp xã toàn tỉnh đạt chuẩn 100% theo quy định.	UBND cấp huyện
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	1,6	1,62	Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức.	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	2,94	2,95	Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp để xảy ra tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.	Sở Nội vụ
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**12**	**9,26**	**10,10**		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	2,71	2,75		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	*1*	*0,8791*	*0,9*	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	*1*	*1*	*1*	100% cơ quan hành chính thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	*1*	*0,83*	*0,85*	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Đảm bảo nộp NSNN phải đạt 100% theo kiến nghị.	Sở Tài chính
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	1,75	2		
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	*0,5*	*0,25*	*0,5*	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.	Sở Tài chính
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng tài sản công ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định, đảm bảo tỷ lệ 100% cơ quan, đơn vị ban hành.	Sở Tài chính
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Các đơn vị thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	*0,25*	*0,25*	*0,25*	Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.	Sở Tài chính
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3	1,75	2,25		
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	*0,5*	*0,25*	*0,25*	Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm 2022 có thêm từ 02 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo chi thường xuyên so với năm 2021.	Sở Tài chính
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm 2022 có thêm từ 02 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo một phần chi thường xuyên so với năm 2021.	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	*1*	*0*	*0,5*	Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm, đảm bảo 100% đơn vị thực hiện đúng quy định.	Sở Tài chính
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	*1*	*1*	*1*	Tiếp tục thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL. Triển khai tốt các quy định của Chính phủ về công tác tài chính của các đơn vị SNCL, mở rộng quyền tự chủ tài chính, tăng cường công tác xã hội hóa nguồn lực tài chính, đảm bảo tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên.	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4	3,05	3,1	- Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện nghiêm túc quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước. - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. - Nâng cao hơn nữa hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL, đặc biệt là chủ động tạo thêm nguồn thu hợp pháp để tăng thêm thu nhập cho CBCCVC và người lao động.	Sở Tài chính
7	**HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH**	**15**	**13,25**	**13,63**		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	7,25	6,9	6,93		
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Triển khai hiệu quả Kiến trúc Chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Hoàn thiện việc kết nối nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết hợp với nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	*1*	*0,97*	*0,98*	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng hệ thống quản lý và điều hành văn bản trong trao đổi văn bản, đảm bảo đạt tỷ lệ 100%	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	*0,5*	*0,5*	*0,5*	100% các Sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	*1*	*1*	*1*	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo đạt 100%.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.6	Thiết lập Cổng Dịch vụ công tỉnh	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.7	Vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh	*0,75*	*0,75*	*0,75*	Cổng Dịch vụ công tỉnh tiếp tục kết nối liên thông tới 100% Sở, ngành cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng Dịch vụ công	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Vận hành Cổng Dịch vụ công tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	*1*	*0,68*	*0,7*	Tích hợp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Tích hợp đầy đủ với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	*0,5*	*0,5*	*0,5*	Đảm bảo kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1,5	1,21	1,5		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	*0,5*	*0,5*	*0,5*	- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt. - Thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp biết, hiểu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	*1*	*1*	*1*	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt.	Văn phòng UBND tỉnh
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,25	0,75	1	Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tiếp nhận/trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo danh mục TTHC quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1	1	1	Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo quy định; đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	3,1	3,2	- Nâng cấp và hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đảm bảo các thông tin quản lý điều hành được cập nhật kịp thời, đầy đủ; thuận tiện truy cập, khai thác. - Nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO: đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.	Sở Thông tin và Truyền thông
8	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH**	**16**	**13,57**	**14,6**		
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	10	8,57	8,6	Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bưu điện tỉnh chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ công tác điều tra xã hội học.	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	1	- Rà soát và đơn giản hóa thời gian, thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư, kinh doanh, thành lập doanh nghiệp. - Xây dựng và thực hiện chương trình ký kết, hợp tác và đầu tư giữa tỉnh với các tỉnh khác trong và ngoài nước nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư hiệu quả. - Tuyên truyền về cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan để doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm bắt.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1	2		
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	*1*	*0*	*1*	Thực hiện các biện pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp. Phấn đấu đạt tỉ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2022 tăng từ 10% trở lên so với năm 2021.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	*1*	*1*	*1*	Thực hiện các giải pháp phấn đấu đảm bảo tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm 2022 cao hơn năm 2021.	Sở Tài chính
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1	1	Thực hiện các biện pháp thu ngân sách năm 2022 đạt hoặc vượt theo nhiệm vụ Chính phủ giao.	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm 2021 đạt được	Mục tiêu năm 2022	Nhiệm vụ/giải pháp	Đơn vị chủ trì
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	1	1	Thực hiện các giải pháp, phấn đấu tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh bằng hoặc cao hơn so với năm 2021.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao	1	1	1	Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo trong năm thực hiện đạt được 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	TỔNG ĐIỂM	**100**	**86,26**	**89,93**		

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC HUYỆN KRÔNG NÔ NĂM 2023

STT	Lĩnh vực/ tiêu chí/ tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm năm 2022 đạt được	Mục tiêu năm 2023	Nhiệm vụ/ giải pháp/ kết quả đầu ra	Đơn vị chủ trì
1.	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**13**	**10,973**	**13**		
1.1	**Kế hoạch CCHC năm**	**2**	**1,973**	**2**		
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC (Nếu không ban hành Kế hoạch CCHC các TCTP 1.1.2 và TCTP 1.1.3 không có điểm)	0,5	0,5	0,5	Xây dựng kế hoạch trước ngày 10/01/2023	Phòng Nội vụ
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5	0,5	0,5	Xây dựng Kế hoạch đầy đủ nội dung, đảm bảo đúng quy định	Phòng Nội vụ
1.1.3	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	1	0,973	1	Theo dõi, đôn đốc hoàn thành 100 % hoạt động tại Kế hoạch CCHC năm 2023 của huyện	Phòng Nội vụ
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	1	1	1		
1.2.1	Số lượng báo cáo (Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm)	0,5	0,5	0,5	Thực hiện đầy đủ các báo cáo	Phòng Nội vụ
1.2.2	Chất lượng báo cáo	0,25	0,25	0,25	Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định	Phòng Nội vụ
1.2.3	Thời gian báo cáo	0,25	0,25	0,25	Báo cáo định kỳ trước ngày 8 của tháng cuối quý	Phòng Nội vụ
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2,5	2,5	2,5		
1.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra đối với phòng chuyên môn và UBND cấp xã	0,5	0,5	0,5	Kiểm tra từ 30 % cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã trở lên	Phòng Nội vụ
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	1	1		

1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (Sau kiểm tra, Đoàn kiểm tra phải có kết luận gửi đơn vị đã kiểm tra; các vấn đề phát hiện phải được đơn vị đã kiểm tra xử lý và báo cáo kết quả xử lý bằng văn bản lên cơ quan có thẩm quyền)	1	1	1	Đề xuất xử lý hoặc xử lý 100 % vấn đề đã phát hiện qua công tác kiểm tra	Phòng Nội vụ
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2	2	2		
1.4.1	Lập chuyên mục CCHC trên Trang TTĐT của địa phương để tuyên truyền về công tác CCHC của địa phương	1	1	1	Có từ 08 tin bài viết tuyên truyền CCHC / năm	Phòng Văn hóa - Thông tin
1.4.2	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức	1	1	1	Thực hiện đầy đủ các hình thức tuyên truyền CCHC: Các tin, bài của TTVHTT&TT; qua các cuộc họp giao ban định kỳ; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC	Trung tâm VH-TT&TT; Văn phòng HĐND&UBND; Phòng Nội vụ
1.5	**Sự năng động trong công tác CCHC**	**2**	**2**	**2**		
1.5.1	Quy định bằng văn bản gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0,5	0,5	0,5	Ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính năm 2023	Phòng Nội vụ
1.5.2	Triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện CCHC theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các ngành liên quan	0,5	0,5	0,5	100 % văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các ngành liên quan được triển khai	Các cơ quan đơn vị được UBND huyện giao chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được giao
1.5.3	Phân công trách nhiệm trong công tác CCHC	0,5	0,5	0,5	Lãnh đạo UBND huyện được phân công chỉ đạo công tác CCHC	Văn phòng HĐND&UBND huyện
1.5.4	Có đưa nội dung CCHC để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban quý định kỳ và thông báo kết luận chỉ đạo bằng văn bản	0,5	0,5	0,5	Thông báo kết luận họp giao ban của UBND huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện
1.6	Tổ chức hội nghị đánh giá, quán triệt, rút kinh nghiệm và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải thiện Chỉ số CCHC đã công bố	1,5	1,5	1,5		

1.6.1	Tổ chức Hội nghị và ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC	1	1	1	Tổ chức hội nghị sau 45 ngày UBND tỉnh công bố chỉ số CCHC năm 2022	Phòng Nội vụ
1.6.2	Kết quả thực hiện Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC	0,5	0,5	0,5	Ban hành kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC năm 2023	Phòng Nội vụ
1.7	Sáng kiến giải pháp mới trong công tác CCHC trong năm (Là những giải pháp, biện pháp, mô hình, đề án, cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phạm vi trên địa bàn tỉnh, chưa cơ quan nào áp dụng)	2	0	2	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng ít nhất 01 sáng kiến CCHC trở lên	Các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện; UBND xã, thị trấn
2.	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**10**	**9,5**	**10**		
2.1	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trong năm	2	2	2	Theo dõi đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng Văn bản QQPL đúng quy định	Phòng Tư pháp
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2	1,5	2		
2.2.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch TDTHPL tại cơ quan, đơn vị	1	1	1	Ban hành Kế hoạch TDTTPL và triển khai đến các cơ quan, đơn vị đúng thời gian quy định	Phòng Tư pháp
2.2.2	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5	0	0,5	Thực hiện báo cáo theo dõi thi hành pháp luật đầy đủ nội dung	Phòng Tư pháp
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	0,5	0,5	Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật đúng quy định	Phòng Tư pháp
2.3	Rà soát văn bản QPPL	3,5	3,5	3,5		
2.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tại đơn vị	0,5	0,5	0,5	Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL và triển khai đến các cơ quan đơn vị	Phòng Tư pháp
2.3.2	Rà soát văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao	1,5	1,5	1,5	Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn được triển khai đầy đủ, kịp thời theo quy định	Phòng Tư pháp
2.3.3	Thực hiện báo cáo năm về công tác rà soát văn bản QPPL	0,5	0,5	0,5	Báo cáo năm về công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực	Phòng Tư pháp
2.3.4	Xử lý kết quả rà soát VBQPPL	1	1	1	100 % vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định	Phòng Tư pháp

2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	2,5	2,5	2,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5	0,5	0,5	Thực hiện báo cáo tổng kết Tư pháp năm 2023 đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	Phòng Tư pháp
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	2	2	2	Báo cáo kết quả sau khi kiểm tra, biên bản, các văn bản xử lý VBQPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra.	Phòng Tư pháp
3.	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**18,5**	**15,095**	**18,5**		
3.1	Kiểm soát quy định của thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	1		
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch kiểm soát TTHC ban hành trước trước ngày 25/12/2022	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.1.2	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ	0,5	0,5	0,5	Báo cáo kiểm soát TTHC theo yêu cầu của UBND tỉnh	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.2	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	1	1	1		
3.2.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch rà soát TTHC ban hành trước ngày 25/12/2022	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.2.2	Báo cáo kết quả thực hiện	0,5	0,5	0,5		
3.3	Công khai TTHC	1,5	1,5	1,5		
3.3.1	TTHC được niêm yết, công khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; cấp xã	0,5	0,5	0,5	Các TTHC mới ban hành, thay thế, sửa đổi được niêm yết tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	Lãnh đạo các Phòng chuyên môn thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn
3.3.2	Công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (bao gồm cả danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ Bưu chính công ích)	0,5	0,5	0,5	Các TTHC mới ban hành, thay thế, sửa đổi được công khai trên trang thông tin điện tử cửa cấp huyện, cấp xã	Lãnh đạo các Phòng chuyên môn thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn

3.3.3	Công khai mức phí, lệ phí (nếu có) trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0,5	0,5	0,5	Phí, lệ phí được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của huyện	
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	8	6,396	8		
3.4.1	Thực hiện cơ chế một cửa	1	0	1	100 % TTHC cấp huyện, cấp xã thực hiện theo cơ chế Một cửa, được giải quyết đúng quy trình	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện, Công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn
3.4.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	1	1	1	100 % TTHC cấp huyện, cấp xã thực hiện theo cơ chế Một cửa liên thông được giải quyết theo đúng quy trình	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện, Công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn
3.4.3	Ứng dụng quy trình điện tử trong xử lý, giải quyết TTHC	0,5	0,5	0,5	100 % TTHC được cập nhật giải quyết và trả kết quả trên phần mềm điện tử	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện, Công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn
3.4.4	Kết quả giải quyết TTHC	5	4,896	5		
3.4.4.1	Kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	3	2,935	3	Trên 95 % TTHC cấp huyện được giải quyết đúng hạn	Bộ phận Một cửa huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện

3.4.4.2	Kết quả giải quyết TTHC cấp xã	2	1,961	2	Trên 95 % TTHC cấp huyện được giải quyết đúng hạn	Bộ phận Một cửa xã; Chuyên viên phụ trách CCHC các xã, thị trấn
3.4.5	Cập nhật kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử	0,5	0	0,5	100 % TTHC được cập nhật giải quyết và trả kết quả trên phần mềm điện tử	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện, Công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,5	1,5	1,5		
3.5.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN	0,5	0,5	0,5	Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Một cửa huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.5.2	Thực hiện tiếp nhận, xử lý PAKN	0,5	0,5	0,5	Báo cáo xử lý hoặc kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.5.3	Cập nhật kết quả giải quyết PAKN trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5	0,5	0,5	Báo cáo xử lý các phản ánh, kiến nghị	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.6	Thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản khi giải quyết TTHC sai sót, trễ hạn	2	1,699	2	100 % hồ sơ giải quyết trễ hạn phải có văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	Văn phòng HĐND&UBND huyện; Chuyên viên phụ trách CCHC các Phòng thuộc huyện, Công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn
3.7	**Triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC của UBND tỉnh**	**2**	**0,5**	**2**		
3.7.1	Ban hành Kế hoạch số hóa theo quy định	0,5	0,5	0,5	Ban hành kế hoạch số hóa đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định	Văn phòng HĐND&UBND huyện

3.7.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch số hóa	1	0	1	Theo dõi, đôn đốc hoàn thành 100 % hoạt động tại Kế hoạch số hóa năm 2023 của huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.7.3	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch số hóa theo quy định	0,5	0	0,5	Thực hiện báo cáo số hóa định kỳ đúng thời gian quy định	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.8	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1,5	1,5	1,5		
3.8.1	Kết quả đánh giá, đo lường chất lượng giải quyết TTHC	1	1	1	Kế hoạch đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; Báo cáo kết quả đo lường mức độ hài lòng	Văn phòng HĐND&UBND huyện
3.8.2	Công khai kết quả đánh giá, đo lường chất lượng giải quyết TTHC trên Trang TTĐT của đơn vị	0,5	0,5	0,5	Đăng tài Kế hoạch đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân và Báo cáo kết quả đo lường mức độ hài lòng lên Trang thông tin điện tử của huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện
4.	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**7,5**	**7,5**	**7,5**		
4.1	Thực hiện quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	1	1	1		
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	0,5	0,5	0,5	13/13 phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện ban hành quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức	Phòng Nội vụ
4.1.2	Thực hiện về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	0,5	0,5	0,5	Các văn bản thực hiện sắp xếp Tổ chức bộ máy	Phòng Nội vụ
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được UBND tỉnh giao	2	2	2		
4.2.1	Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập đúng thời gian, đầy đủ nội dung theo quy định	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện	Phòng Nội vụ

4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính cấp huyện	0,5	0,5	0,5	Báo cáo thống kê về tình hình sử dụng biên chế trong năm của đơn vị; tài liệu khác (nếu có)	Phòng Nội vụ
4.2.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,5	Báo cáo về tình hình biên chế năm 2023	Phòng Nội vụ
4.2.4	Thực hiện định mức số lượng CBCC cấp xã	0,5	0,5	0,5	Báo cáo kết quả thực hiện biên chế theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP	Phòng Nội vụ
4.3	Tỷ lệ các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc ban hành thông báo phân công nhiệm vụ	0,5	0,5	0,5	Văn bản phân công nhiệm vụ của 13 phòng ban và 12 UBND xã, thị trấn	Phòng Nội vụ
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	2	2	2		
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý	1	1	1	Văn bản thực hiện các quy định về phân cấp quản lý	Phòng Nội vụ
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch kiểm tra nhiệm vụ phân cấp năm 2023	Phòng Nội vụ
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	0,5	Báo cáo kết quả kiểm tra nhiệm vụ phân cấp tại các cơ quan, đơn vị và kết quả khắc phục sau kiểm tra	Phòng Nội vụ
4.5	UBND cấp xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn (theo quy định tại Điều 125, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015)	1	1	1		
4.5.1	UBND cấp huyện ban hành văn bản chỉ đạo	0,5	0,5	0,5	Văn bản chỉ đạo của UBND huyện	Phòng Nội vụ
4.5.2	Tỷ lệ UBND cấp xã thực hiện việc đối thoại	0,5	0,5	0,5	Đôn đốc, tổng hợp Kế hoạch, báo cáo tổ chức đối thoại với nhân dân của UBND các xã, thị trấn	Phòng Nội vụ

4.6	Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1	1	1	Biên bản, kết luận Hội nghị và các văn bản liên quan tổ chức Hội nghị	Phòng Nội vụ
5.	**CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**	**15,5**	**14**	**15,5**		
5.1	Xác định cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo vị trí việc làm (Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc có cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt)	2	2	2	Báo cáo số lượng biên chế, công chức các phòng, ban thuộc huyện; Báo cáo về việc bố trí công chức theo vị trí việc làm (nêu rõ tỉ lệ % bố trí đúng vị trí việc làm).	Phòng Nội vụ
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã (Trường hợp trong năm cơ quan không có chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng thì vẫn được tính điểm)	1	1	1	Các tài liệu liên quan đến công tác tuyển dụng. Công tác tuyển dụng đúng quy định.	Phòng Nội vụ
5.3	Thực hiện quy định bổ nhiệm lãnh đạo các phòng chuyên môn; lãnh đạo cấp xã	1	1	1	Các văn bản liên quan đến công tác bổ nhiệm. Công tác bổ nhiệm đúng quy định	Phòng Nội vụ
5.4	Thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng quy định	0,5	0,5	0,5	Các tài liệu liên quan đến công tác tuyển dụng; công tác tuyển dụng đảm bảo đúng quy định	Phòng Nội vụ
5.5	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5	0,5	0,5	Các tài liệu liên quan đến công tác thi, xét thăng hạng viên chức	Phòng Nội vụ
5.6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)	1,5	1,5	1,5		
5.6.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023	Phòng Nội vụ
5.6.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,5	0,5	Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023	Phòng Nội vụ
5.6.3	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,5	0,5	Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023	Phòng Nội vụ
5.7	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	5,5	4	5,5		

5.7.1	Cập nhật đầy đủ thông tin CBCC,VC trên hệ thống phần mềm thông tin quản lý CBCC,VC của tỉnh	0,5	0	0,5	100 % thông tin CBCCVC được cập nhật trên phần mềm thông tin quản lý CBCC,VC của tỉnh	Phòng Nội vụ
5.7.2	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	0,5	0,5	0,5	Quyết định công nhận kết quả xếp loại các Phòng ban chuyên môn thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn	Phòng Nội vụ
5.7.3	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,5	0,5	Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ trong năm; Các Quyết định chuyển đổi vị trí công tác.	Phòng Nội vụ
5.7.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	4	3	4	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, phấn đấu trong năm 2023 không có CBCCVC bị kỷ luật	Phòng Nội vụ
5.8	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã	1,5	1,5	1,5		
5.8.1	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	0,5	0,5	0,5	Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã	Phòng Nội vụ
5.8.2	Chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	0,5	0,5	0,5	Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng Công chức cấp xã	Phòng Nội vụ
5.8.3	Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm đối với cán bộ, công chức cấp xã	0,5	0,5	0,5	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã năm 2023	Phòng Nội vụ
5.9	Thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND tỉnh	2	2	2	Kế hoạch, Quyết định, báo cáo, các văn bản liên quan đến tinh giản biên chế	Phòng nội vụ
6.	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**8**	**8**	**8**		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5	5	5		
6.1.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1,5	1,5	1,5	Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp năm	Phòng Tài chính - Kế hoạch

6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2	2	2	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của địa phương; Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.1.3	Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ	0,5	0,5	0,5	Phòng TCKH chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp Quy chế chi tiêu nội bộ, các văn bản sửa đổi, bổ sung của các Phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.1.4	Chấp hành lập dự toán và báo cáo quyết toán theo đúng quy định	1	1	1	Lập dự toán và báo cáo quyết toán năm 2023 theo đúng quy định	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	1	1	1		
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	0,5	Phòng TCKH chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương, các đơn vị thuộc phạm	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.2.2	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng quản lý sử dụng tài sản công	0,5	0,5	0,5	Báo cáo kết quả tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	1	1	1		
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên; số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	0,5	Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ năm 2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.3.2	Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	0,5	0,5	0,5	Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ năm 2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.4	Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công	1	1	1	Báo cáo quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch
7.	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**	**15**	**10,478**	**12,4**		

7.1	Chuyển đổi số/ phát triển Chính quyền số của cơ quan, đơn vị	8,5	7,332	7,9		
7.1.1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số/ phát triển Chính quyền số năm	1	1	1	Kế hoạch chuyển đổi số, phát triển chính quyền số năm 2023	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.1.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số/ phát triển Chính quyền số trong năm	2	2	2	100 % nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch hoàn thành; Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.1.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử từ cấp huyện đến cấp xã (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số và chứng thư số)	2	1,832	1,9	Trên 90 % văn bản trừ văn bản mật được ban hành, gửi nhận trên phần mềm quản lý và điều hành văn bản của tỉnh	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.1.4	Trang thông tin điện tử có đầy đủ các chức năng và cung cấp thông tin theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ	1,5	1	1,5	Trang thông tin điện tử được chuyển đổi sang IPV6 và trang có chức năng tìm kiếm	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.1.5	Tỷ lệ tổ chức các cuộc họp trực tuyến thông qua hệ thống giao ban trực tuyến đến cấp xã	1	1	1	100 % cuộc họp trực tuyến thông qua hệ thống giao ban trực tuyến cấp xã do Trung ương, do tỉnh tổ chức	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.1.6	Tỷ lệ cán bộ công chức,viên chức được cung cấp và sử dụng hộp thư điện tử công vụ hỗ trợ trao đổi công việc	1	0,5	0,5	Trên 90 % cán bộ công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trao đổi công việc	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.2	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**	**5,5**	**2,646**	**3,5**		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ	1	1	1	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt, phấn đấu có trên 50 % TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3	1,5	0,017	0,5	Có trên 30 % số hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND

7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	1	1	1	Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt, phấn đấu có trên 50 % TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 4	1,5	0,129	0,5	Có trên 30 % số hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	0,5	0,5	0,5	Trên 80 % TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND
7.3	**An toàn thông tin mạng**	**0,5**	0	**0,5**	Quyết định phê duyệt cấp độ ATTT cho hệ thống mạng LAN và trang thông tin điện tử theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Phòng Văn hóa - Thông tin
7.4	Ban hành Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của địa phương	0,5	0,5	0,5	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số (nếu có thay đổi)	Phòng Văn hóa - Thông tin
8.	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG**	**12,5**	**2,5**	**10,5**		
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	10	0	8	Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, bưu điện huyện chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ công tác điều tra xã hội học	Phòng Nội vụ
8.2	Mức độ thu hút đầu tư	0,5	0,5	0,5	Rà soát, đơn giản hóa thời gian, thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư, kinh doanh, thành lập doanh nghiệp	Phòng Tài chính - Kế hoạch
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp	0,5	0,5	0,5		

8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp mới thành lập trong năm	0,25	0,25	0,25	Thực hiện các biện pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp. Phấn đấu đạt tỉ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2023 tăng từ 20 % trở lên so với năm 2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp	0,25	0,25	0,25	Thực hiện các giải pháp phấn đấu đảm bảo tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp năm 2023 cao hơn năm 2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo dự toán được tỉnh giao	0,5	0,5	0,5	Thực hiện các giải pháp phấn đấu đảm bảo tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp năm 2023 cao hơn năm 2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	0,5	0,5	0,5	Thực hiện các giải pháp phấn đấu thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm 2022	Phòng Tài chính - Kế hoạch
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND huyện giao	0,5	0,5	0,5	Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo trong năm thực hiện đạt 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND huyện giao	Phòng Tài chính - Kế hoạch
	Tổng	**100**	**78,046**	**95,4**		